| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐAK ĐOA**<br>Số: 27/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Đak Đoa, ngày 14 tháng 10 năm 2022* |

# NGHỊ QUYẾT
## Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA
## KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ CHÍN (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND tỉnh, về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND huyện phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND*

*huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp thứ Chín (Chuyên đề) – HĐND huyện khóa XIII.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, cụ thể như sau:

**Tổng vốn sự nghiệp phân bổ: 11.246 triệu đồng**, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.844 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (ngân sách huyện – nguồn dự phòng ngân sách năm 2022): 402 triệu đồng.

- Các xã, thị trấn chủ động bố trí ngân sách của cấp mình và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*(Chi tiết kế hoạch vốn có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện.

**Điều 3.** Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Đak Đoa khoá XIII - Kỳ họp thứ Chín (Chuyên đề) thông qua ngày 14/10/2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQ huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành thuộc huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, HĐ.

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA T. GIA LAI

**Nguyễn Hữu Thọ**

**BẢNG TỔNG HỢP**

**PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAK ĐOA**

(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 19 /10/2022 của HĐND huyện)

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Tên dự án | Tổng vốn sự nghiệp | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | NSTW | NSĐP | Trong đó | |
| | | | | | NS tỉnh | NS huyện |
| **TỔNG CỘNG** | | **11.246** | **10.844** | **402** | **-** | **402** |
| **1** | **Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt** | **509** | **509** | **-** | **-** | **-** |
| 1.1 | Nội dung 3: Hỗ trợ Chuyển đổi nghề | 440 | 440 | - | | |
| 1.2 | Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán | 69 | 69 | - | | |
| **2** | **Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị** | **4.206** | **4.075** | **131** | **-** | **131** |
| 2.1 | **Tiểu dự án 1:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân | 2.828 | 2.828 | - | | |
| 2.2 | **Nội dung 1-Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị | 1.277 | 1.156 | 121 | | 121 |
| 2.3 | **Nội dung 3 - Tiểu dự án 2:** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN | 101 | 91 | 10 | | 10 |
| **3** | **Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc** | **720** | **539** | **181** | **-** | **181** |
| | Nội dung 1-Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn, làng ĐBKK | 720 | 539 | 181 | | 181 |
| **4** | **Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực** | **2.590** | **2.590** | **-** | **-** | **-** |
| 4.1 | Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS | 396 | 396 | - | | |
| 4.2 | Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN | 1.979 | 1.979 | - | | |

| STT | Tên dự án | Tổng vốn sự nghiệp | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | NSTW | NSĐP | Trong đó | |
| | | | | | NS tỉnh | NS huyện |
| 4.3 | Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp | 215 | 215 | - | | |
| **5** | **Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em** | 555 | 502 | 53 | - | 53 |
| **6** | **Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn** | **2.403** | **2.389** | **14** | **-** | **14** |
| 6.1 | Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù | 2.260 | 2.260 | - | - | - |
| 6.2 | Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN | 143 | 129 | 14 | | 14 |
| **7** | **Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình** | **263** | **240** | **23** | **-** | **23** |
| 7.1 | Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 | 214 | 194 | 20 | | 20 |
| 7.2 | Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN | 13 | 13 | - | | |
| 7.3 | Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình | 36 | 33 | 3 | | 3 |

**BẢNG TỔNG HỢP TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN THUỘC DỰ ÁN 1 NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Tr. Đồng*

| STT | Đơn vị | Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề | | | Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số hộ thụ hưởng (Hộ) | Kinh phí thực hiện | | Số hộ thụ hưởng (Hộ) | Kinh phí thực hiện | |
| | | | NSTW | NSĐP | | NSTW | NSĐP |
| 1 | Kon Gang | | 0 | | 3 | 9 | |
| 2 | ADơk | 10 | 100 | | 4 | 12 | |
| 3 | Đak Sơmei | | 0 | | 5 | 15 | |
| 4 | HNol | 7 | 70 | | | | |
| 5 | Ia Pết | 5 | 50 | | | | |
| 6 | Xã Trang | 7 | 70 | | 5 | 15 | |
| 7 | KDang | | 0 | | 1 | 3 | |
| 8 | TT Đak Đoa | 5 | 50 | | | | |
| 9 | Hà Bầu | 5 | 50 | | 5 | 15 | |
| 10 | Đak Krong | 5 | 50 | | | | |
| **Tổng cộng** | | **44** | **440** | | **23** | **69** | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 1-DỰ ÁN 3**

**TIỂU DỰ ÁN 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| I | Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân | 2.828 | 2.828 | | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 3**

**TIỂU DỰ ÁN 2: Đầu tư PTSX theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS và MN**

**NỘI DUNG 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Stt | Tên dự án | Phạm vi thực hiện | Địa bàn thực hiện | Chủ đầu tư | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Tổng số | NSTW | NSĐP | |
| *1* | *2* | *4* | *5* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *15* |
| **Tổng cộng** | | | | | | **1.277,00** | **1.156** | **121,0** | |
| **1** | **Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế** | | | | | **1.277,00** | **1.156** | **121,0** | |
| 1 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Xã ĐBKK | Xã Hà Đông | UBND xã Hà Đông | 2022 | 248,50 | 225 | 23,5 | |
| 2 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Xã ĐBKK | Xã Đak sơmei | UBND xã Đak sơmei | 2022 | 248,50 | 225 | 23,5 | |
| 3 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Xã ĐBKK | Xã Adơk | UBND xã Adơk | 2022 | 248,50 | 225 | 23,5 | |
| 4 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Thôn ĐBKK | Thị trấn Đak Đoa | UBND thị trấn Đak Đoa | 2022 | 44,20 | 40 | 4,2 | |
| 5 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Thôn ĐBKK | Xã Hnol | UBND xã Hnol | 2022 | 88,50 | 80 | 8,5 | |
| 6 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Thôn ĐBKK | Xã Kon Gang | UBND xã Kon Gang | 2022 | 132,60 | 120 | 12,6 | |
| 7 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Thôn ĐBKK | Xã Ia Pết | UBND xã Ia Pết | 2022 | 177,80 | 161 | 16,8 | |
| 8 | Dự án hỗ trợ bò giống sinh sản | Thôn ĐBKK | Xã Trang | UBND xã Trang | 2022 | 88,40 | 80 | 8,4 | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN 2022 TIỂU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 3**

**TIỂU DỰ ÁN 2: Đầu tư PTSX theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS và MN**

**NỘI DUNG 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS VÀ MN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Tr. Đồng*

| STT | Danh mục | Địa điểm thực hiện | Nội dung thực hiện | Kinh phí thực hiện | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng | NSTW | NSĐP | |
| 1 | Mô hình sản xuất Măng le và sản xuất rượu ghè Anh Tuấn | Xã Hà Đông | Hỗ trợ chi phí đào tạo nâng cao trình độ khoa học công nghệ, kỹ thuật sản xuất tại hiện trường; Hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì nhãn mác, quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm | 101 | 91 | 10 | |

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2022 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

**DỰ ÁN 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 97 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm | Năng lực thiết kế ( dự kiến) | Kinh phí thực hiên | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng vốn | NSTW | NSĐP | |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | | |
| ***I*** | ***Duy tu, bảo dưỡng công trình CSHT*** | | | *720* | ***539*** | ***181*** | |
| *1* | Sửa chữa đường giao thông làng Biă Tĩh - xã Adơk | Làng Biă Tĩh- xã Adơk | Láng nhựa, sửa chữa mặt đường L= 0.7km Rộng = 3m | *240* | ***180*** | ***60*** | |
| *2* | Sửa chữa đoạn sát lở bờ suối đường đi khu sản xuất làng Kon Jốt | Làng Kon Jốt - xã Hà Đông | Đắp vào mái Taluy âm chiều dài 60m, cao 10m, rộng 5m. Khối lượng đất đắp Taluy âm: 3000 m3. Làm cống thoát nước qua đường 6m (cống tròn đường kính 1m) | *240* | ***180*** | ***60*** | |
| 3 | Sửa chữa đường giao thông thôn 18- xã Đak Somei | Thôn 18- xã Đak Somei | chiều dài 1km, rộng 3m | *240* | 179 | 61 | |
| | | | | | | | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022**

**DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

**TIỂU DỰ ÁN 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

| TT | Nội dung thực hiện | Địa điểm thực hiện (xã, thôn) | Tổng mức đầu tư | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng vốn | Trong đó | | |
| | | | | NSTW | NSĐP | |
| **I** | **Nội dung 1: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết cho các trường PTDTNT, PTDTBT và có HSBT** | | | | | |
| **1** | **Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết trường PTDTBT và có HSBT** | Trung tâm (Làng kon Ma ha-Hà Đông) | **144,6** | **144,6** | | |
| **2** | **Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết trường PTDTNT** | 197 Nguyễn Huệ, Thị trấn Đak Đoa | **251,4** | **251,4** | | |
| | **TỔNG CỘNG** | | **396** | **396** | | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022**

**DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

**TIỂU DỰ ÁN 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 19 /10/2022 của HĐND huyện)*

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị tính | Số lượng | Địa điểm thực hiện (xã, thôn) | Tổng mức đầu tư | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng vốn | Trong đó | | |
| | | | | | | NSTW | NSĐP | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *13* |
| **1** | **Nội dung 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện và tập quán vùng DTTS&MN gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo** | | | | **600** | **600** | | |
| | Mô hình tổ hợp xây dựng | Mô hình | 1 | Xã Đak Somei | 150 | 150 | | |
| | Mô hình liên kết chăn nuôi dê | Mô hình | 1 | Xã Ia Băng | 150 | 150 | | |
| | Mô hình tổ hợp xây dựng | Mô hình | 1 | Thị trấn Đak Đoa | 150 | 150 | | |
| | Mô hình tổ hợp xây dựng | Mô hình | 1 | Xã Hneng | 150 | 150 | | |
| **2** | **Nội dung 2: Hỗ trợ đào tạo nghề** | | | | **1204** | **1204** | | |
| | Nghề hàn (40 người) và nghề may (30 người) | Lớp | 2 | Xã Ia Băng | 252 | 252 | | |
| | Nghề xây dựng (30 người) | Lớp | 1 | Xã Trang | 108 | 108 | | |
| | Trồng và chăm sóc chanh dây (30 người) | Lớp | 1 | Hà Bầu | 66 | 66 | | |
| | Trồng rau an toàn (30 người) | Lớp | 1 | Thị trấn Đak Đoa | 66 | 66 | | |

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị tính | Số lượng | Địa điểm thực hiện (xã, thôn) | Tổng mức đầu tư | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng vốn | Trong đó | | |
| | | | | | | NSTW | NSĐP | |
| | Trồng lúa năng suất cao (30 người) | Lớp | 1 | Xã Đak Krong | 66 | 66 | | |
| | Nghề xây dựng (45 người) | Lớp | 1 | Xã Adok | 162 | 162 | | |
| | Nghề xây dựng (30 người) | Lớp | 1 | Xã Hneng | 108 | 108 | | |
| | Trồng và khai thác rừng trồng (90 người) | Lớp | 3 | Xã Hà Đông | 198 | 198 | | |
| | Sữa chữa máy cày công suất nhỏ (25 người) | Lớp | 1 | Xã hnol | 70 | 70 | | |
| | Nghề hàn (30 người) | Lớp | 1 | Xã Glar | 108 | 108 | | |
| **3** | **Nội dung 3: Hỗ trợ người lao động học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng** | **Người** | | | | | | |
| **4** | **Nội dung 4: Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS** | **Đợt** | **10** | Tại 14 xã (không tính xã Tân Bình và Nam Yang) và các làng đồng bào DTTS thị trấn Đak Đoa | **55** | **55** | | Hỗ trợ tổ chức các hoạt động kết nối việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm trong việc giới thiệu, tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động |
| **5** | **Nội dung 5: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN** | | | | **20** | **20** | | |
| | Tập huấn, bồi dưỡng NCNL cho cán bộ quản lý; người dạy nghề, cán bộ quản lý và đào tạo tại doanh nghiệp được tổ chức | Lớp | 1 | Trung tâm GDNN-GDTT | 20 | 20 | | |
| | Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa CSVC, mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo | Cơ sở GDNN | | | | | | |
| | Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học | Cơ sở GDNN | | | | | | |

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị tính | Số lượng | Địa điểm thực hiện (xã, thôn) | Tổng mức đầu tư | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng vốn | Trong đó | | |
| | | | | | | NSTW | NSĐP | |
| 6 | **Nội dung 6: Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án** | **Đơn vị** | | Tại 14 xã (không tính xã Tân Bình và Nam Yang) và các làng đồng bào DTTS thị trấn Đak Đoa | **100** | **100** | | xây dựng phóng sự tuyên truyền về công tác ĐTN-GQVL phát trên đài ttth tỉnh |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | **1979** | **1979** | | |

# TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022

**DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

**Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng mức đầu tư | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng vốn | Trong đó | | |
| | | | NSTW | NSĐP | |
| 1 | Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho mạng lưới cán bộ làm công tác dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công | **215** | **215** | **0** | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 DỰ ÁN 8:**
**THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| | **Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em năm 2022** | **555** | **502** | **53** | **Giao Hội liên hiệp phụ nữ huyện tổ chức triển khai thực hiện** |
| 1 | Nội dung 1: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến về khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em | | | | |
| 2 | Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em | | | | |
| 3 | Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện, hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị | | | | |
| 4 | Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng | | | | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 9:**
**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, DÂN TỘC CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| *1* | *2* | *6* | *8* | *9* | *10* |
| | **Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù (*)** | **2.260** | **2.260** | | Phòng Giao dịch NHCSXH huyện triển khai thực hiện |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 9:**
**GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| *1* | *2* | *6* | *8* | *9* | *10* |
| | **Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN** | **143** | **129** | **14** | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 10:**

**Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| I | Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 | 214 | 194 | 20 | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 10:**
**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND, ngày 19 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| **I** | **Nội dung 1: Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự** | **13** | **13** | **0** | |

**TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 10:**
**Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 07 /NQ-HĐND, ngày 14 /10/2022 của HĐND huyện)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung thực hiện | Tổng vốn 2022 | Trong đó | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | NSTW | NSĐP | |
| **I** | **Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình** | **36** | **33** | **3** | |